

Số: 135/KH-SYT

Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 02 năm 2016.

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai hoạt động Dự án phòng chống Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản tỉnh Quảng Ngãi năm 2016**

Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Thủ Tướng Chính phủ về việc Ban hành Danh mục các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2012 – 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 113/2013/TTLT-BTC-BYT ngày 15 tháng 8 năm 2013 của liên Bộ Tài chính – Bộ Y tế về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia y tế giai đoạn 2012-2015;

Căn cứ Thông tư số 120/2007/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc Quy định lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Thực hiện Công văn số 02/BM-BPTNMT&HPQ ngày 18/01/2016 của Ban điều hành Dự án Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính Trung ương - Bệnh viện Bạch Mai về việc xây dựng kế hoạch dự án năm 2016, nội dung Công văn yêu cầu xây dựng kế hoạch hoạt động và kế hoạch nguồn kinh phí đối ứng của địa phương năm 2016 cho Dự án Phòng chống Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản (BPTNMT & HPQ). Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi xây dựng Kế hoạch hoạt động của Dự án Phòng chống Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản năm 2016 của tỉnh Quảng Ngãi, với những nội dung chính như sau:

#### **I. THÔNG TIN CHUNG:**

Quảng Ngãi là một tỉnh ven biển thuộc vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung được Chính phủ chọn khu vực Dung Quất để xây dựng Nhà máy lọc dầu đầu tiên của Việt Nam. Phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía nam giáp tỉnh Bình Định, phía tây giáp tỉnh Kon Tum và phía đông giáp biển Đông. Nằm ở vị trí trung độ của cả nước, Quảng Ngãi cách thủ đô Hà Nội 883 km về phía Bắc và cách Tp Hồ Chí Minh 838 km về phía Nam. Diện tích: 5.131,5km<sup>2</sup>, bằng 1,7% diện tích cả nước. Dân số: 1.241.027 người, mật độ dân số: 237 người/ km<sup>2</sup>. Có 29 dân tộc đang sinh sống: Dân tộc kinh là chủ yếu chiếm 85%, ngoài ra còn có các dân tộc: Hrê, Co, Xu Đăng ...

Đơn vị hành chính của tỉnh Quảng Ngãi gồm: 14 huyện/Tp (06 đồng bằng, 06 miền núi, 01 hải đảo và 01 thành phố), 184 xã/phường và 964 thôn/ bản.

Mô hình mạng lưới y tế gồm có:

- Tuyển tỉnh: Có 01 bệnh viện đa khoa, 03 bệnh viện chuyên khoa và 05 TTYT chuyên khoa tuyển tỉnh.

- Tuyển huyện/TP:

\* Đồng bằng: + 07 BVĐK huyện/TP

+ 07 TTYTDP huyện/TP

\* Miền núi: 06 TTYT

\* Hải đảo: 01 TTYT Quân dân y kết hợp

- Tuyển xã: 184 trạm y tế xã, phường, thị trấn.

Quảng Ngãi là địa phương có tốc độ phát triển kinh tế khá nhanh thoát khỏi tình trạng kinh tế kém phát triển, bước vào nhóm tỉnh, thành phố có GDP bình quân cao so với các tỉnh khác. Cùng với sự phát triển kinh tế là sự ô nhiễm môi trường đặc biệt là môi trường không khí do khói bụi của các khu và cụm công nghiệp, các nhà máy xí nghiệp trên địa bàn và hệ thống giao thông. Vì vậy, BPTNMT & HPQ ngày càng gia tăng và là vấn đề cần được quan tâm trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

## **II. MỤC TIÊU CHUNG:**

- Nâng cao nhận thức đúng của nhân dân về BPTNMT & HPQ và các yếu tố nguy cơ.

- Nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng và quản lý BPTNMT & HPQ.

- Xây dựng mạng lưới quản lý BPTNMT & HPQ trên địa bàn.

## **III. MỤC TIÊU CỤ THỂ:**

1. Xây dựng mạng lưới quản lý BPTNMT & HPQ từ tỉnh đến cơ sở.

2. Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe dự phòng, quản lý BPTNMT & HPQ trong cộng đồng.

3. Đào tạo kiến thức, kỹ năng khám, phát hiện, tư vấn, quản lý, điều trị Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính cho 70% số bác sỹ (hệ nội) có kỹ năng tham gia khám, chẩn đoán và điều trị BPTNMT & HPQ.

4. Tổ chức khám sàng lọc, phát hiện bệnh nhân để đưa vào quản lý tại phòng quản lý BPTNMT & HPQ. Đảm bảo  $\geq 50\%$  số đơn lưu tại các phòng quản lý bệnh kê đúng theo Hướng dẫn điều trị của Bộ Y tế.

5. Thành lập Câu lạc bộ Phòng chống BPTNMT & HPQ.

## **IV. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP HOẠT ĐỘNG:**

### **1. Xây dựng mạng lưới các phòng quản lý BPTNMT & HPQ:**

#### *1.1. Tuyển tỉnh:*

- Thành lập 1 phòng quản lý BPTNMT & HPQ tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Quảng Ngãi, do bệnh viện bố trí cán bộ và địa điểm. Phòng có trang bị đạt chuẩn bao gồm: Máy đo chức năng hô hấp, bàn, ghế, máy tính, ống nghe, máy đo huyết áp, các phương tiện truyền thông.

- Có ít nhất 2 cán bộ thành thạo đọc kết quả đo chức năng hô hấp.

### *1.2. Tuyển huyện:*

Xây dựng mạng lưới triển khai Dự án phòng chống BPTNMT & HPQ: Là đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm làm đầu mối tiếp nhận các hoạt động của dự án, tham mưu cho lãnh đạo đơn vị triển khai các hoạt động của dự án tại đơn vị, thực hiện các hoạt động thống kê báo cáo theo yêu cầu, gồm:

- Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế huyện/ thành phố: Mỗi đơn vị cử 01 cán bộ.

### **2. Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe dự phòng, quản lý Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính & Hen phế quản:**

- Phát các tờ rơi, poster cho người bệnh, người dân trong các đợt khám phát hiện bệnh nhân BPTNMT và HPQ (do Trung ương cung cấp).

- Truyền thông giáo dục sức khỏe về phòng chống BPTNMT & HPQ trên các thông tin đại chúng như đài phát thanh, truyền hình, báo và các đài truyền thanh các xã phường những kiến thức cơ bản, những thông điệp phòng chống BPTNMT & HPQ.

- Viết bài tuyên truyền về BPTNMT & HPQ, các bệnh lý đường hô hấp tuyên truyền trên loa truyền thanh phường, xã, trang Website của Sở Y tế.

- Biên soạn tài liệu phòng chống BPTNMT & HPQ cấp phát cho các đơn vị trong ngành.

### **3. Công tác đào tạo nâng cao kiến thức cho cán bộ y tế:**

- Tổ chức 02 lớp tập huấn cho tuyến tỉnh: Bao gồm các bác sỹ hệ nội đang làm việc tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh, Bệnh viện đa khoa tỉnh, huyện, TTYT và TTYTDP về chẩn đoán, điều trị, quản lý BPTNMT & HPQ.

- Tổ chức 03 lớp tập huấn tại tỉnh cho cộng tác viên xã, phường của 14 huyện, thành phố về tình hình BPTNMT & HPQ, công tác phát hiện, dự phòng, quản lý bệnh nhân tại cộng đồng

### **4. Khám sàng lọc phát hiện sớm BPTNMT và HPQ tại cộng đồng:**

- Tổ chức khám sàng lọc trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của BQLDA Trung ương. Đối tượng được khám sàng lọc bao gồm trẻ em và người lớn để phát hiện bệnh nhân BPTNMT & HPQ đưa vào quản lý theo chương trình.

- Tổ chức 02 đoàn khám sàng lọc, mỗi đoàn 08 người gồm:

+ Bác sỹ: 03 (02 bác sỹ khám ban đầu, 01 bác sỹ kết luận);

+ Kỹ thuật viên, điều dưỡng thành thạo đo chức năng hô hấp: 02 người;

+ Điều dưỡng khác: 03 (02 người ghi danh sách, đo mạch, huyết áp, chiều cao; 01 người hướng dẫn đi các bàn khám).

- Thời gian thực hiện dự kiến từ giữa tháng 02/2016 đến 15/12/2016. Những bệnh nhân được chẩn đoán COPD và hen phế quản được đưa cấp thuốc miễn phí và được quản lý theo quy định.

- Từ ngày 16/12 đến 31/12/2016 tiến hành nhập số liệu, báo cáo kết quả khám sàng lọc về ban điều hành chương trình mục tiêu phòng chống BPTNMT & HPQ tỉnh

- Thực hiện quản lý các bệnh nhân đã được phát hiện tại phòng quản lý BPTNMT & HPQ. Đảm bảo 100% số đơn lưu tại các phòng quản lý bệnh kê đúng theo Hướng dẫn điều trị của Bộ Y tế.

**5. Tổ chức khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi cho cán bộ y tế, bệnh nhân và người dân (100 đối tượng):**

**6. Mua thuốc, vật tư, trang thiết bị cho các hoạt động đào tạo, khám và điều trị bệnh nhân BPTNMT và HPQ:**

- Mua vật tư, trang thiết bị cho hoạt động của chương trình bao gồm: 01 máy chức năng đo hô hấp, Máy đo độ bão hòa CO<sub>2</sub>, Filter để đo chức năng hô hấp cho người bệnh khi khám sàng lọc và tái khám tại phòng quản lý BPTNMT & HPQ. Dự kiến khoảng 600 người đo chức năng hô hấp, 200 người bệnh quản lý điều trị tại phòng quản lý.

**7. Tăng cường hệ thống báo cáo, giám sát, đánh giá thực hiện Dự án:**

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện giám sát định kỳ các hoạt động triển khai tại địa phương, bao gồm các hoạt động như: tổ chức cán bộ, tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về BPTNMT & HPQ, đào tạo tập huấn nâng cao năng lực nhân viên y tế, công tác khám sàng lọc và triển khai quản lý BPTNMT & HPQ.

- Giám sát các hoạt động về quản lý, điều trị người bệnh BPTNMT & HPQ, cấp phát thuốc, giám sát việc sử dụng các trang thiết bị của Dự án.

- Triển khai phần mềm quản lý số liệu thống kê, báo cáo bệnh nhân BPTNMT & HPQ theo chỉ đạo của dự án Trung ương.

- Chịu sự giám sát của Ban điều hành dự án PCBPTNMT Trung ương.

- Tổ chức hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết hoạt động dự án.

**V. CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ:**

*(Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm)*

**VI. DỰ TOÁN KINH PHÍ:**

*(Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm)*

**VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

- Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Quảng Ngãi là đơn vị thường trực Ban điều hành và đầu mối xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động, tổ chức ký hợp đồng phụ với các đơn vị, kiểm tra, giám sát các đơn vị thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng ký kết, thanh quyết toán theo các quy định của Nhà nước.

- Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả triển khai về Ban điều hành dự án PCBPTNMT&HPQ Sở Y tế Quảng Ngãi và Ban điều hành dự án PCBPTNMT Trung ương - Bệnh viện Bạch Mai.

- Các đơn vị triển khai kế hoạch theo hợp đồng ký kết và báo cáo kết quả về Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Quảng Ngãi, thực hiện thanh lý hợp đồng sau khi hoàn thành các nội dung ký kết trong hợp đồng.

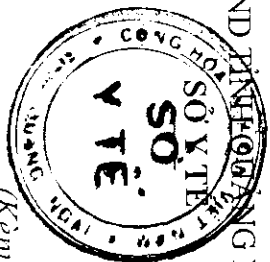
- Các phòng chức năng Sở Y tế có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, giám sát hoạt động triển khai dự án tại các đơn vị ./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Bộ Y tế (báo cáo);
- BQLDA PC BPTNMT & HPQ TW;
- Sở Tài chính;
- Sở KH&ĐT;
- BV Lao & BP tỉnh;
- Lưu: VT, KHTC(nen07).



**Nguyễn Tấn Đức**



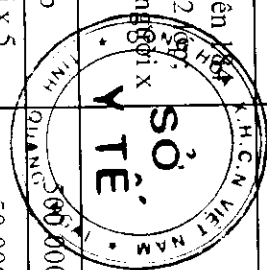
**PHỤ LỤC 1**

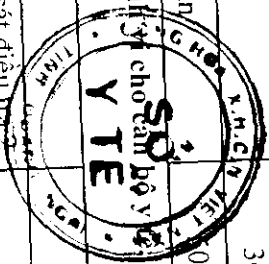
**DỰ TOÁN KINH PHÍ KẾ HOẠCH COPD NĂM 2016**

(Kèm theo Kế hoạch số 135 /KH-SYT ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Sở Y tế Quảng Ngãi)

DVT: Đồng

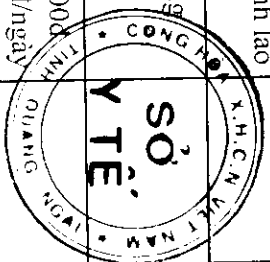
TT	Tổng cộng chi phí Dự toán	Đơn giá (VNĐ)	DỰ TOÁN NĂM 2016			Số hiệu Quyết định, Thông tư hướng dẫn thực hiện	
			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách Địa phương		
1	Đào tạo		146.540.000	146.540.000		Theo QĐ 34/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 và Theo TT 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010	
1.1	- Bệnh viện Lao và Bệnh phổi cử cán bộ đi đào tạo tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch TPHCM. Số lượng: 06 người, thời gian 07 ngày		34.200.000	34.200.000		Theo QĐ 34/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010	
	Tiền vé tàu, xe : 06 người	2.400.000	14.400.000	14.400.000			
	Lưu trú: 06 người x 7 ngày	150.000	6.300.000	6.300.000			
	Tiền thuê phòng ngủ: 6 người x 5 đêm	450.000	13.500.000	13.500.000			
1.2.	Tập huấn tuyến tỉnh: 02 lớp: mỗi lớp 30 người x 3 ngày (TP học viên: BV Lao và BP, BVĐK tỉnh, huyện, TTYT)		34.800.000	34.800.000		Theo TT 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010	
			500.000	6.000.000	6.000.000		
			50.000	9.000.000	9.000.000		
			40.000	2.400.000	2.400.000		
	Nước uống: 60 người x 3 ngày	30.000	5.400.000	5.400.000			

	Hội trường: 2 lớp x 3 ngày	2.000.000	12.000.000	12.000.000			
1.3	Tập huấn tại tuyến tỉnh cho công tác viên xã, phường (70 xã miền núi, hai đảo: 02 ngày) x 114 xã đồng bằng: 03 lớp; mỗi lớp 62 người x 01 ngày		2.000.000	77.540.000	77.540.000		Theo TT 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010
	Giảng viên: 02 người x 1 ngày x 5 lớp		50.000	5.000.000	5.000.000		
	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên: 184 người x 5 ngày		30.000	46.500.000	46.500.000		
	Tài liệu: x 184 bộ		30.000	5.520.000	5.520.000		
	Nước uống: 184 người x 1 ngày		30.000	5.520.000	5.520.000		
	Hội trường: 5 lớp x 1 ngày		3.000.000	15.000.000	15.000.000		
2	Hội nghị triển khai kế hoạch hoạt động sơ kết, tổng kết, sinh hoạt câu lạc bộ BPTNMT		7.400.000	7.400.000		Theo QĐ 34/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010	
2.1	Hội nghị sơ kết triển khai kế hoạch hoạt động: (01 ngày) x 20 đại biểu. (TP: SYT, BHYT, các BV, TTYT huyện, TTTGDĐSK)		3.400.000	3.400.000			
	Báo cáo viên: 01 người x 1 ngày	200.000	200.000	200.000			
	Tài liệu: 20bộ	30.000	600.000	600.000			
	Nước uống: 20 người	30.000	600.000	600.000			
	Hội trường, trang trí khánh tiết: 1 ngày	2.000.000	2.000.000	2.000.000			
2.2	Hội nghị triển khai kế hoạch hoạt động: (01 ngày) x 30 đại biểu. (TP: SYT, BHYT, các BV, TTYT huyện, TTTGDĐSK)		4.000.000	4.000.000		Theo QĐ 34/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010	
	Báo cáo viên: 01 người x 1 ngày	200.000	200.000	200.000			
	Tài liệu: 30bộ	30.000	900.000	900.000			
	Nước uống: 30 người	30.000	900.000	900.000			
	Hội trường, trang trí khánh tiết: 1 ngày	2.000.000	2.000.000	2.000.000			
3	Sinh hoạt câu lạc bộ COPD quý 01 lần (Tại BVLBP: QI, QII, QIII, QIV)		12.000.000	12.000.000		Theo QĐ 34/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010	
	Báo cáo viên: 02 người x 04 lần	200.000	1.600.000	1.600.000			

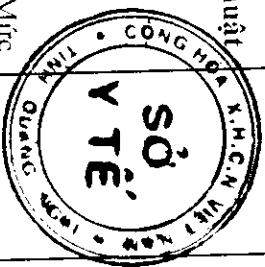


	Nước uống: 70 người x 04 lần	30.000	8.400.000	8.400.000	
	Trang trí khánh tiết, loa đài: 04 lần	500.000	2.000.000	2.000.000	
4	<b>Khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi cho cán bộ y tế bệnh nhân và người dân</b>		<b>14.860.000</b>	<b>14.860.000</b>	Theo TT 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011
4.1	In ấn phiếu khảo sát x 100 bộ	5.000	500.000	500.000	
	Chi hỗ trợ công tác phí CB Khảo sát điều tra 2 người x 1 ngày x 14 huyện/TP: Mức chi: * Đồng bằng và miền núi: 80.000đ/người/ngày x 01 ngày x 2 người x 13 huyện = 2.080.000đ * Lý Sơn: 200.000đ/người x 2 ngày x 2 người = 800.000đ		2.880.000	2.880.000	
4.3	Xăng xe phục vụ khám bệnh, kiểm tra giám sát: 14 lượt (14 huyện), - Xăng xe 13 huyện : 300 lit x 19.000đ/lit = 5700.000đ - Xăng xe huyện (hải đảo) Lý Sơn : 20 lit x 19.000đ/lit = 380.000đ		6.080.000	6.080.000	
	Chi trả cho người cung cấp thông tin điền vào phiếu phỏng vấn: 100 người	20.000	2.000.000	2.000.000	
4.4	Chi trả cho người nhập, xử lý và phân tích số liệu điều tra: 100 bộ phiếu	4.000	400.000	400.000	
4.5	Tổng hợp phân tích số liệu và viết báo cáo kết quả khảo sát	3.000.000	3.000.000	3.000.000	
4.6	<b>Giám sát :</b>		<b>14.590.000</b>	<b>14.590.000</b>	Theo TT/TT 113/2013/TT/TT-BTC-BYT ngày 15/8/2013
5.1	Chi bồi dưỡng cho cán bộ y tế đi giám sát bệnh lao tác nghề mạn tính và hen phế quản, mức 30.000đ/người/ngày đi giám sát , * Các huyện đồng bằng và miền núi : 03 người x 13 huyện/TP x 30.000đ/người/ ngày = 1.170.000đ * Hải đảo Lý Sơn: 03 người x 2 ngày x 30.000đ/ngày = 180.000đ		1.350.000	1.350.000	

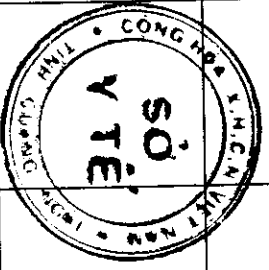




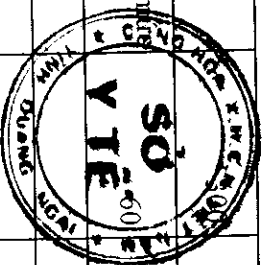
5.2	Chi công tác phí đi kiểm tra, giám sát bệnh lao 14 huyện/TP: * Công tác phí đi giám sát các huyện đồng bằng và miền núi: 13 huyện x 3 người x 80.000đ/ngày/ người = 3.120.000đ * Công tác phí đi đảo Lý Sơn : 3.000.000đ - Lưu trú : 03 người x 2 ngày x 200.000đ/ngày = 1.200.000đ - Tiền thuê phòng nghỉ: 01 đêm x 300.000đ/đêm x 03 người = 900.000đ - Tàu xe : 03 người x 300.000đ = 900.000đ			7.160.000	7.160.000		
5.3	Xăng xe phục vụ khám bệnh, kiểm tra giám sát: 14 lượt (14 huyện). - Xăng xe 13 huyện : 300 lít x 19.000đ/lít = 5700.000đ - Xăng xe huyện (hải đảo) Lý Sơn : 20 lít x 19.000đ/lít = 380.000đ			6.080.000	6.080.000		
6	Mua trang thiết bị phòng quản lý BPTNMT và HPQ Mua Filter để đo CNHH khi BN khám và điều trị tại phòng QLBN hàng tháng. Dự kiến 200 BN hen và COPD			374.000.000	374.000.000		Theo TTLT 113/2013/TTLT-BTC- BYT ngày 15/8/2013
6.1	Mua máy đo chức năng hô hấp	55.000	66.000.000	66.000.000			
6.2	Mua máy đo độ bão hòa CO <sub>2</sub>	110.000.000	110.000.000	110.000.000			
6.3	Mua máy đo độ bão hòa CO <sub>2</sub>	20.000.000	20.000.000	20.000.000			
6.4	In các loại sổ sách chương trình phòng chống BPTNMT và HPQ (phụ lục kèm theo)		78.000.000	78.000.000			
6.5	In các tờ rơi truyền thông COPD và HPQ (phụ lục kèm theo)		100.000.000	100.000.000			
7	Tổ chức khám, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc tại cộng đồng thuộc các dự án của chương trình		136.970.000	136.970.000			Theo TTLT 113/2013/TTLT-BTC- BYT ngày 15/8/2013



	<p>* Đối với bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên xét nghiệm: <b>5.040.000đ</b></p> <p>- Xã đặc biệt khó khăn: +07 huyện Miền núi và hải đảo: 100.000đ/người/ngày x 7 huyện x 1 ngày/huyện x 03 người = 2.100.000đ</p> <p>- Các xã còn lại : 07 huyện đồng bằng : Mức chi 70.000đ/ngày x 07 huyện x 2 ngày/huyện x 03 người = 2.940.000đ</p> <p><b>* Đối với người phục vụ: 1.540.000đ</b></p> <p>- Xã đặc biệt khó khăn: + 07 huyện Miền núi: 50.000đ/người/ngày x 7 huyện x 1 ngày/huyện x 02 người = 700.000đ</p> <p>- Các xã còn lại : 07 huyện đồng bằng : Mức chi 30.000đ/ngày x 7 huyện x 2 ngày/huyện x 02 người = 840.000đ</p>		6.580.000		6.580.000	
7.2	<p>Chi công tác phí đi khám sàng lọc bệnh tại 14 huyện/TP:</p> <p>* Công tác phí đi khám sàng lọc các huyện</p> <p>- Đồng bằng: 80.000đ/ngày/người x 2 ngày x 3 người x 7 huyện = 3.360.000đ</p>		6.360.000		6.360.000	
	<p>* Công tác phí đi khám sàng lọc hải đảo Lý Sơn : 3.000.000đ</p> <p>- Lưu trú : 03 người x 2 ngày x 200.000đ/ngày = 1.200.000đ</p> <p>- Tiền thuê phòng nghỉ: 01 đêm x 300.000đ/đêm x 03 người =900.000đ</p> <p>- Tàu xe : 03 người x 300.000đ = 900.000đ</p>		-			
7.3	<p>Xăng xe khám sàng lọc 14 huyện/TP</p> <p>- Xăng xe 13 huyện : 300 lít x 19.000đ/lít = 5.700.000đ</p>		6.080.000	-	6.080.000	

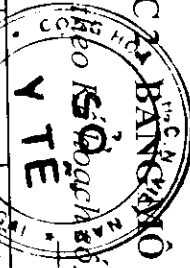
	- Xăng xe huyện (hải đảo) Lý sơn : 20 lít x 19.000đ/lít = 380.000đ							
7.4	Chi hỗ trợ cộng tác viên tham gia phát phiếu mời và triển khai các hoạt động trước đợt khám và trong thời gian khám tại cộng đồng: Mức chi 50.000đ/người/ngày x 3 ngày x 03 người x 14 huyện/TP = 6.300.000		6.300.000			6.300.000		
7.5	In giấy mời: 3000 người		500	1.500.000		1.500.000		
7.6	In sổ khám bệnh ghi chép tuyến xã/1 quyền x 15 xã/phường		50.000	750.000		750.000		
7.7	In phiếu khám bệnh BN: 3000 người x 3 tờ/người		500	4.500.000		4.500.000		
7.8	In phiếu đo chức năng hô hấp: 600 tờ		500	300.000		300.000		
7.9	In sổ cấp thuốc ngoại trú: dự kiến 200 người được cấp thuốc		5.000	1.000.000		1.000.000		
7.10	Mua Filter để đo chức năng hô hấp dự kiến cho 20% số BN khám sàng lọc (3000 x 20% = 600BN)		55.000	33.000.000		33.000.000		
7.11	Mua thuốc giãn phế quản để làm test COPD (dự kiến 10 lọ)		60.000	600.000		600.000		
7.12	Mua thuốc điều trị ngoại trú: dự kiến mỗi BN 1 lần x 200 BN		200.000	40.000.000		40.000.000		
7.13	Nhập bệnh án điện tử những bệnh nhân phát hiện. Dự kiến phát hiện 200 BN		30.000	6.000.000		6.000.000		
7.14	Chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo kết quả khám sàng lọc		3.000.000	3.000.000		3.000.000		
7.15	Chi thuê bàn ghế tổ chức khám sàng lọc: 21 điểm (07 huyện đồng bằng là 14 điểm, 07 huyện miền núi và hải đảo là 7 điểm)		1.000.000	21.000.000		21.000.000		
8	Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng:			10.500.000		10.500.000		Theo TTLT 113/2013/TTLT-BTC-BYT ngày 15/8/2013

8.1	- Mức hỗ trợ 15.000đồng/bệnh nhân x 300 bệnh nhân		4.500.000		4.500.000	
8.2	- Nhiều bệnh nhân tại cùng một địa điểm, mức bồi dưỡng tới đa 100.000đồng/cán bộ/ngày		6.000.000		6.000.000	
9	<b>Mua thuốc</b>		<b>206.150.000</b>		<b>206.150.000</b>	
	* Thuốc kháng sinh					
	- Cefuroxim 5 mg: 20.000 viên	2.989			59.780.000	
	- Cefaclor 5mg: 20.000 viên	3.045			60.900.000	
	- Roxycerocin 5mg: 20.000 viên	2.023			40.460.000	
	* Thuốc giảm phế quản				32.970.000	
	- Salbutamol 4mg: 50.000 viên	83			4.150.000	
	- Ventoline Xit: 200 lọ	83.900			16.780.000	
	* Thuốc				12.040.000	
	- Corticodie 5mg: 50.000 viên	180			9.000.000	
	- Vitamin C 5mg: 20.000 viên	152			3.040.000	
10	<b>Chi khác</b>		<b>2.000.000</b>		<b>2.000.000</b>	



# PHỤ LỤC 23 BAN GIÁM ĐỐC CÁC HOẠT ĐỘNG COPD NĂM 2016 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo **Sổ Quyết định số 135 /KH-SYT** ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Sở Y tế Quảng Ngãi)



TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị thực hiện	Địa điểm thực hiện	Thời gian	Người giám sát	Nguồn kinh phí (đồng)			Dự kiến kết quả
						Trung ương	Địa phương	Tổng cộng	
1	Duy trì phòng quản lý BPTNMT & HPQ (Mua TTB, VPP, phòng QL BPTNMT & HPQ)	BVL&BP	Phòng TCCB, Phòng NVY	Năm 2016	Trưởng ban điều hành	374.000.000		<b>374.000.000</b>	Phòng quản lý có đầy đủ nhân lực và TTB theo quy định của BDH trung ương
2	Duy trì mạng lưới PC BPTNMT & HPQ tại tuyến huyện/thành phố	BVL&BP	TTYT/TTYTDP 14 huyện/TP	Năm 2016	Trưởng ban điều hành	Nhân lực	Nhân lực	<b>Nhân lực</b>	Mỗi BVĐK và TTYT huyện có 01 cán bộ y tế kiêm nhiệm thực hiện
3	Đào tạo tại tuyến Trung ương	BV Bạch Mai	BVL&BP	Tháng 05 - 06/2016	Trưởng ban điều hành	34.200.000		<b>34.200.000</b>	04 Bác sĩ, 02 điều dưỡng được đào tạo tại BV PNT HCM
4	Đào tạo tuyến tỉnh	BVL&BP	BVĐK tỉnh	Tháng 02/2016	Trưởng ban điều hành	34.800.000		<b>34.800.000</b>	60 Y, Bác sĩ tham gia khám và điều trị được tập huấn COPD & HPQ
5	Đào tạo tại tuyến xã	BVL&BP	BVĐK tỉnh	Tháng 02 - 03/2016	Trưởng ban điều hành	77.540.000		<b>77.540.000</b>	184 CBYT xã được tập huấn về COPD và HPQ

6	Khảo sát kiến thức thái độ hành vi cho cán bộ y tế; bệnh nhân và người dân	BVL&BP	TTYT/TTYTDP huyện/TP	Năm 2016	Trưởng ban điều hành	14.860.000	14.860.000	100 BHYT và người bệnh được khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi đối với COPD & HPQ
7	Duy trì CLB COPD & HPQ sinh hoạt 1 quý/lần	BVL&BP	Phòng NVY	Năm 2016	Trưởng ban điều hành	12.000.000	12.000.000	Câu lạc bộ có 70 người bệnh Hen và COPD, sinh hoạt mỗi quý/1 lần
8	Khám sàng lọc BN tại cộng đồng (3.000 BN)	BVL&BP	14 TTYT/TTYTDP huyện/TP	Năm 2016	Trưởng ban điều hành	136.970.000	136.970.000	Khám sàng lọc cho 3.000 bệnh nhân tại 14 huyện/TP
9	HN triển khai KH, HN sơ kết, tổng kết Dự án COPD & HPQ	BVL&BP	Phòng NVY	Năm 2016	Trưởng ban điều hành	7.400.000	7.400.000	HN triển khai Kế hoạch HN tổng kết Dự án
10	Hỗ trợ cho cán bộ y tế hướng dẫn tập phục hồi chức năng cho bệnh nhân	BVL&BP	14 TTYT/TTYTDP huyện/TP	Năm 2016	Trưởng ban điều hành	10.500.000	10.500.000	
11	Hoạt động KT, GS (01 lần/quý)	BVL&BP	Phòng NVY	Quý I, II, III, IV/2016	Trưởng ban điều hành	14.590.000	14.590.000	KTGS các hoạt động thực hiện theo KH
12	Mua thuốc	BVL&BP		Quý I/2016	Trưởng ban điều hành	206.150.000	206.150.000	
	Khác			Năm 2016		2.000.000	2.000.000	
<b>Tổng kinh phí</b>						<b>542.530.000</b>	<b>382.480.000</b>	<b>925.010.000</b>

(Bảng chữ: Chín trăm hai mươi lăm triệu. Không trăm mười ngàn đồng)